

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của ngành ngân hàng với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2403 giảm điểm ngược chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

VNM, TNG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng sớm, chỉ trải lệnh mua từng phần khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ, đặc biệt là các điểm đỡ tương ứng với vùng quanh 1180 (+-10) của VNIndex.

29/02/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,252.73	-0.15
VN30	1,265.75	+0.03
HĐTL VN30F1M	1,262.80	-0.27
HNXIndex	235.46	+0.13
HNX30	505.31	+0.27
UPCoM	90.63	+0.10
USD/VND	24,650	+0.09
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.35	+2
Lãi suất qua đêm (%)	1.61	-24
Dầu (WTI, \$)	78.32	-0.28
Vàng (LME, \$)	2,034.94	+0.02



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,252.73 (-0.15%)
KLGD (triệu CP) 1,013.0 (+25.0%)
GTGD (triệu US\$) 1,060.4 (+15.1%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của ngành ngân hàng với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 388.5 tỷ đồng, tập trung tại VHM (-2.25%), VRE (-4.68%), VNM (-0.28%).

HNXIndex 235.46 (+0.13%)
KLGD (triệu CP) 96.2 (+0.3%)
GTGD (triệu US\$) 76.9 (+4.8%)

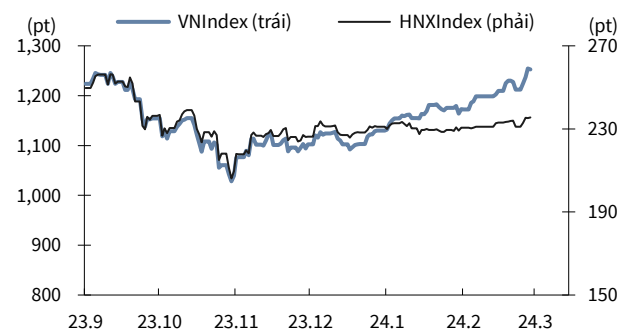
Sản lượng thủy sản tháng 02/2024 ước đạt 621 nghìn tấn, tăng 0.2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, sản lượng thủy sản ước đạt 1,211.1 nghìn tấn, tăng 1.6% so với cùng kỳ năm trước. Cổ phiếu ngành thủy sản tăng giá ở VHC (+2.49%), ANV(+1.76%).

UPCoM 90.63 (+0.10%)
KLGD (triệu CP) 34.2 (-26.1%)
GTGD (triệu US\$) 21.9 (-22.0%)

Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 1,031.5 nghìn tỷ đồng, tăng 8.1% so với cùng kỳ năm trước. Cổ phiếu ngành bán lẻ tăng giá ở MWG (+1.99%), FRT (+6.38%).

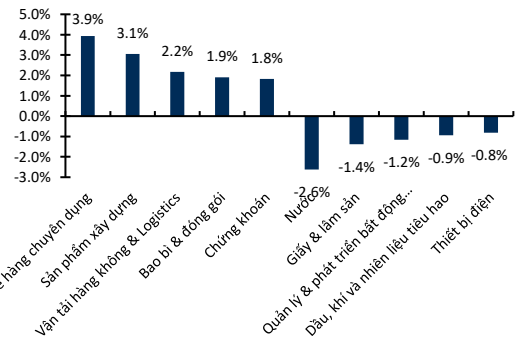
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -17.0

VNIndex & HNXIndex



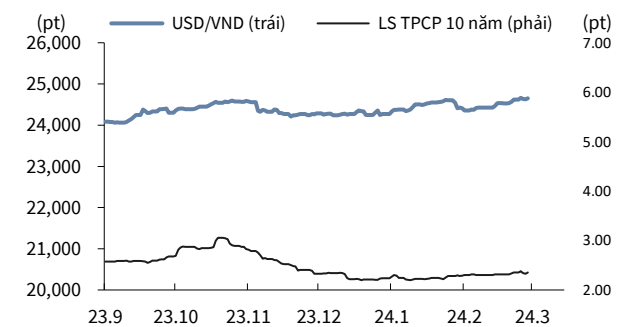
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

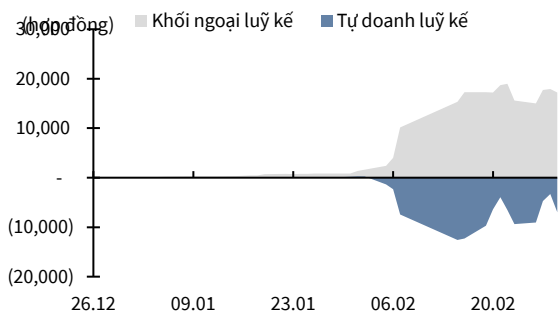
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,265.75 (+0.03%)
VN30F1M	1,262.8 (-0.27%)
Mở cửa	1,266.2
Cao nhất	1,271.5
Thấp nhất	1,255.0
KLGD (HĐ)	219,341 (-2.8%)

VN30F2403 giảm điểm ngược chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa tại -0.55 điểm, sau đó biến động quanh mức -2.22 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -2.95 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

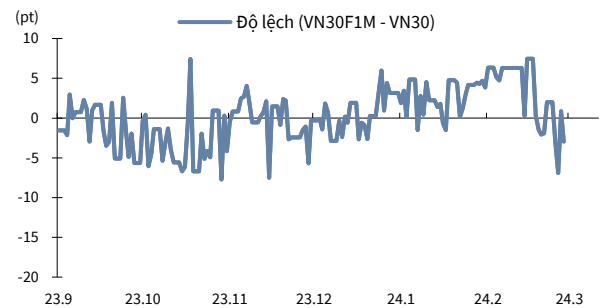
Khối ngoại bán ròng 708 HĐTL VN30F2403 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 17,203 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 3,735 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 7,010 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



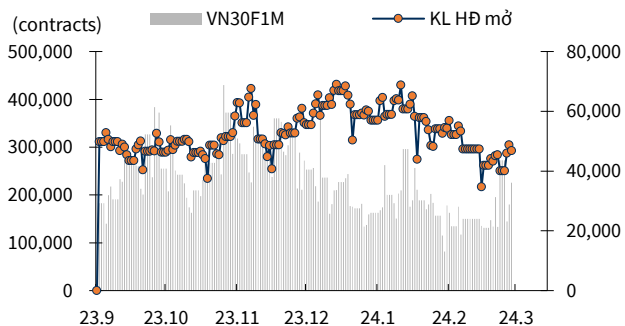
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



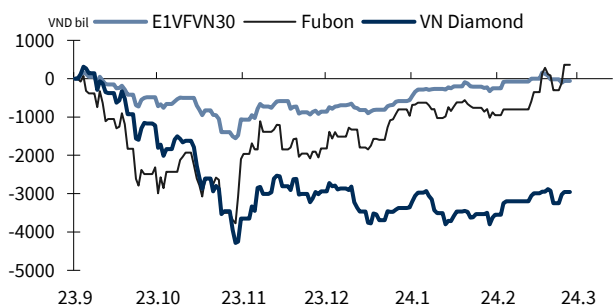
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

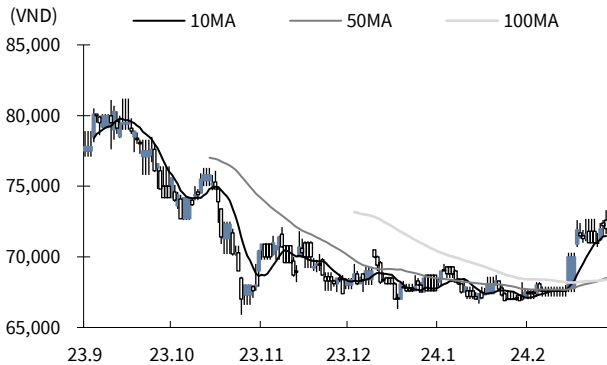
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

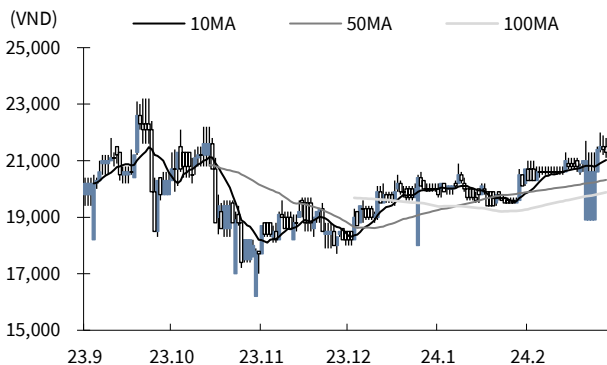
CTCP Sữa Việt Nam (VNM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM giảm 0.28% xuống 72,000 VND/cp
- CTCP Sữa Việt Nam công bố nghị quyết HĐQT về việc điều chỉnh ngày chốt danh sách trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 3/2023. Ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức bằng tiền tỷ lệ 9% là 18/3. Ngày thanh toán dự kiến 26/4/2024. Lý do điều chỉnh là để chốt danh sách cổ đông cùng ngày với ngày chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ 2024 (dự kiến tổ chức vào ngày 25/4).

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TNG giảm 0.47% xuống 21,300 VND/cp
- CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đã ký được các đơn hàng may xuất khẩu đến hết nửa đầu năm 2024. Từ tháng 3, TNG dự kiến gia tăng công suất nhà máy thêm 45 chuyên may và tuyển thêm 3,000 công nhân. Gần đây, TNG công bố KQKD tháng 1/2024 với doanh thu 524 tỷ đồng và lãi ròng 15 tỷ đồng, lần lượt tăng 32% YoY và 168% YoY.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex dần suy yếu và điều chỉnh xuống dưới ngưỡng tham chiếu. Sau đó hồi phục một phần về cuối phiên
- Tín hiệu đảo chiều xuất hiện với sự chứng lại của lực cầu khi chớm vượt mức đỉnh ngắn hạn đã hình thành 1 bẫy tăng giá điển hình, đi kèm cùng thanh khoản tăng, báo hiệu khả năng bước vào nhịp điều chỉnh ngắn hạn của thị trường. Mặc dù nhiều khả năng VNIndex sẽ tiếp tục đối mặt với áp lực rung lắc quanh ngưỡng 1250 (+-5), lực cầu được kỳ vọng sẽ cho phản ứng gia tăng trở lại quanh các vùng hỗ trợ gần.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng sớm, chỉ trải lệnh mua từng phần khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ, đặc biệt là các điểm đỡ tương ứng với vùng quanh 1180 (+-10) của VNIndex.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1284 - 1287

Kháng cự gần: 1272 - 1275

Hỗ trợ gần: 1246 - 1250

Hỗ trợ xa: 1235 - 1240

- Sau nhịp tăng điểm ngay mở cửa phiên, F1 dần suy yếu và điều chỉnh xuống dưới ngưỡng tham chiếu. Sau đó hồi phục một phần về cuối phiên.
- Với việc hình thành mẫu nến spinning ngay tại vùng đỉnh ngắn hạn cho thấy sự giằng co trong xu hướng của 2 phe, tuy nhiên kịch bản đang phần nào nghiêng nhiều hơn về một nhịp điều chỉnh mạnh ngay sau đó với mẫu hình nến Evening Star. Mặc dù vậy, xu hướng hồi phục của F1 được kỳ vọng sẽ sớm quay trở lại tại các mốc kháng cự gần
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Short quanh các ngưỡng kháng cự

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

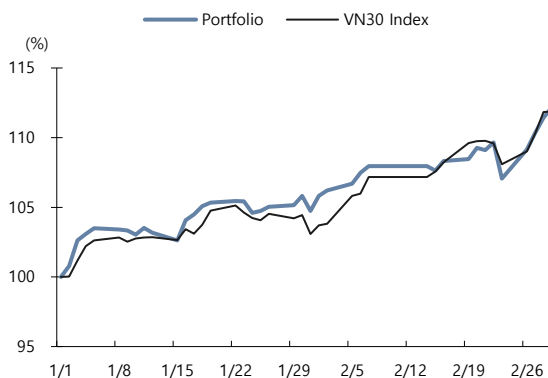
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.03%	0.68%
Tăng lũy kế (YTD)	11.87%	12.19%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 29/02/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	37,000	2.5%	43.7%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
VN Rubber Group (GVR)	02/01/2024	28,600	-1.0%	27.4%	- Giá và sản lượng cao su GVR trong 2024 dự kiến giữ đà tăng trưởng - Nam Tân Uyên 3 là động lực tăng trưởng KCN của GVR trong ngắn và trung hạn - GVR liên tục phát triển thêm các dự án mới, mở rộng quỹ đất KCN
FPT (FPT)	01/02/2024	109,000	0.5%	12.5%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PV Trans (PVT)	02/01/2024	26,800	-0.7%	3.5%	- Bất ổn tại những nút giao thương hàng hóa trọng yếu có thể gây áp lực giá cước vận tải - Ghi nhận doanh thu cả năm cho các tàu mua từ 2023 - Kỳ vọng mở rộng thêm đội tàu trong 2024
PV Drilling (PVD)	02/01/2024	30,900	0.3%	11.8%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	02/01/2024	21,300	-0.5%	5.4%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
PC1 Group (PC1)	02/01/2024	27,750	0.2%	-7.5%	- Xây lắp điện được dự báo hồi phục với động lực chính từ các dự án thuộc EVN - Sản lượng mảng NLTT kỳ vọng ổn định hơn từ 3Q2024 trở đi giúp cải thiện lợi nhuận
Viettelpost (VTP)	02/01/2024	78,400	4.4%	17.9%	- VTP kỳ vọng cải thiện biên lợi nhuận gộp mảng dịch vụ dù áp lực giảm giá cước vẫn cao - Thị trường chuyển phát nhanh Việt Nam dự báo tăng trưởng CAGR 24%/năm - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần lên 21%
Coteccons (CTD)	01/02/2024	66,700	-0.7%	-3.1%	- Mảng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Mobile World (MWG)	01/02/2024	46,200	2.0%	7.2%	- Tiếp tục cuộc chiến giá ở mảng ICT&CE, đánh đổi lợi nhuận để chiếm thêm thị phần - Bách Hoá Xanh có nhiều tín hiệu tích cực, kỳ vọng là động lực tăng trưởng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	2.5%	43.2%	179.2
HPG	1.3%	24.9%	91.1
NLG	3.7%	44.6%	56.4
KDH	6.9%	37.5%	48.1
KBC	-0.6%	20.7%	40.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-2.3%	22.4%	-211.3
VRE	-4.7%	30.4%	-172.3
VNM	-0.3%	52.9%	-115.3
HCM	-1.9%	30.2%	-97.9
FUEVFVND	0.4%	96.5%	-71.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HUT	1.6%	1.5%	16.3
IDC	0.3%	2.0%	14.4
DHT	-0.7%	35.4%	6.7
PVI	1.5%	59.4%	2.2
BVS	4.2%	6.3%	1.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.1%	18.8%	-47.8
MBS	0.0%	0.8%	-12.5
SHS	0.6%	9.5%	-8.5
DTD	-1.8%	2.9%	-4.1
TIG	-2.3%	11.0%	-4.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	10.9%	TNH, JVC, VMD
Kim loại & khai thác	7.8%	HPG, HSG, NKG, KSB
Bán lẻ hàng chuyên dụng	7.5%	MWG, FRT, CTF, HAX
Ngân hàng	5.8%	VCB, BID, VPB, TCB
Chứng khoán	5.2%	SSI, VND, HCM, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-3.4%	VPG, TSC, BTT, TNA
Nước	-3.0%	BWE, TDM, SII, CLW
Quản lý & phát triển bất động sản	-2.4%	VHM, VIC, NVL, BCM
Máy móc	-2.3%	TCH, HHS, SRF, SHA
Vật liệu xây dựng	-1.2%	HT1, PTB, GAB, ACC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	24.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Bán lẻ hàng chuyên dụng	16.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Bao bì & đóng gói	16.5%	TDP, SVI, MCP, TPC
Công nghệ	13.4%	FPT, CMG, ELC
Vận tải hàng không & Logistics	13.2%	TMS, SCS, STG, ASG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-3.6%	TLG, ILB, APC, ST8
Hàng không dân dụng	-2.3%	VJC, HVN
Thương mại & phân phối	-1.0%	VPG, TSC, BTT, TNA
Nước	-0.1%	BWE, TDM, SII, CLW
Tiện ích điện	0.0%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	213,017 (8.7)	22.5	97.1	30.8	14.7	0.6	2.6	1.5	1.4	-1.3	-5.5	5.9	0.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	332,306 (13.5)	26.6	5.2	4.4	35.9	17.8	18.0	0.9	0.8	-2.3	-3.1	4.6	0.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	345,168 (14.1)	17.8	14.0	12.5	-7.6	11.3	11.6	1.5	1.4	-4.7	0.4	18.0	13.7
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	470,620 (19.2)	31.3	-	33.8	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	0.6	0.0	2.4	0.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	90,046 (3.7)	11.6	28.7	28.5	13.7	8.1	7.3	1.9	1.9	6.9	6.9	12.1	10.4
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	168,704 (6.9)	13.9	47.9	31.9	-	2.7	3.7	1.2	1.2	1.1	-1.4	-1.4	-5.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	126,697 (5.2)	6.3	14.9	13.1	11.7	19.4	18.3	2.6	2.3	-0.1	8.7	9.9	21.2
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	103,418 (4.2)	12.7	13.0	10.2	-5.3	18.9	19.0	2.1	1.8	-1.7	6.5	11.1	22.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	327,696 (13.4)	0.0	6.7	5.5	14.3	16.1	16.8	1.0	0.8	0.0	4.7	22.1	32.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	356,004 (14.5)	1.4	8.8	7.0	50.3	17.0	18.4	1.3	1.1	-1.1	-0.4	12.5	31.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	294,034 (12.0)	0.0	9.7	7.1	18.8	11.3	13.8	1.1	0.9	0.0	1.0	2.6	3.6
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	517,311 (21.1)	0.0	5.5	4.7	14.6	23.1	22.9	1.1	0.9	-1.0	0.8	11.0	29.5
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	152,482 (6.2)	4.2	5.8	5.6	23.3	22.7	19.9	1.2	1.1	0.4	1.7	6.9	14.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	632,017 (25.8)	14.0	5.7	4.5	26.5	20.8	22.3	1.1	0.9	0.5	1.6	5.5	12.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	319,412 (13.0)	0.0	7.1	5.5	37.4	17.3	19.0	1.1	1.0	-0.8	1.5	11.2	14.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	251,540 (10.3)	0.2	-	-	27.3	11.4	12.4	-	-	-1.1	-3.2	-3.5	-1.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	18,358 (0.7)	21.0	18.2	15.9	15.8	8.0	8.8	1.4	1.3	1.1	1.8	5.9	8.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	6,840 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-0.9	0.4	6.0	7.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	830,321 (33.9)	55.4	23.7	19.7	-3.2	10.0	11.5	2.4	2.3	2.5	6.8	7.6	12.8
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	299,180 (12.2)	71.9	28.1	20.8	-4.0	13.4	14.2	3.0	2.9	1.0	3.1	6.3	6.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	251,073 (10.2)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-1.9	5.3	5.5	17.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	581,236 (23.7)	27.2	19.5	14.7	36.3	10.7	11.8	1.8	1.7	0.2	0.7	3.9	1.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	305,213 (12.4)	42.1	16.3	15.3	4.0	29.6	30.9	4.5	4.6	-0.3	0.6	7.5	6.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	63,085 (2.6)	36.9	17.8	17.1	7.3	19.2	18.7	3.3	3.1	1.4	0.9	3.9	-7.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	216,317 (8.8)	16.5	44.7	25.0	-51.9	7.8	15.5	3.6	3.1	3.1	3.4	9.3	5.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	26,400 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.0	-4.8	-7.8	-12.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	67,116 (2.7)	11.0	24.4	14.9	-88.5	13.7	17.9	3.1	2.5	-0.3	-0.5	-1.4	-4.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	95,439 (3.9)	10.8	20.4	18.0	-57.0	12.8	14.2	2.5	2.3	1.3	6.6	11.6	7.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	218,391 (8.9)	38.4	23.5	-	65.7	3.8	-	-	-	-1.1	-3.6	2.2	7.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	322,145 (13.1)	37.7	26.6	21.9	-14.4	8.9	7.2	1.5	1.4	-1.1	0.0	3.7	-5.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	136,954 (5.6)	3.6	28.1	28.9	-52.4	2.7	2.7	0.8	0.8	-0.7	-3.2	-1.2	-3.1
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	48,438 (2.0)	0.0	10.1	9.0	-4.5	12.2	13.9	1.2	1.2	0.0	2.7	9.3	7.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	78,593 (3.2)	46.1	16.1	14.2	-17.5	17.2	16.4	2.4	2.2	-0.8	-0.6	2.7	2.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	24,039 (1.0)	31.4	-	15.4	-10.5	-6.0	12.7	-	-	-1.0	-1.7	-0.2	4.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,075 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	-0.4	-1.1	0.4	-7.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	783,339 (31.9)	18.0	13.8	10.2	21.9	12.4	14.7	1.6	1.4	1.3	8.6	11.7	10.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	79,740 (3.3)	36.5	17.2	16.4	-0.5	7.4	7.1	1.1	1.1	-0.4	0.4	6.1	4.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	164,522 (6.7)	46.5	11.4	-	-4.5	15.4	18.5	-	-	-0.9	-1.9	6.6	4.2
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	233,273 (9.5)	38.9	17.1	13.0	67.9	7.5	10.5	1.3	1.2	-0.7	0.9	-0.7	-0.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	53,951 (2.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.9	1.8	11.9	19.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	30,700 (1.3)	4.6	13.9	13.0	-51.0	12.2	12.2	1.7	1.6	-1.0	0.0	3.6	3.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	177,536 (7.2)	39.9	19.5	14.5	-11.9	6.0	7.6	1.1	1.0	0.3	5.5	12.2	9.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	86,943 (3.5)	35.9	7.7	6.3	2.2	16.2	16.5	1.1	1.0	-0.7	0.6	3.3	1.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	441,118 (18.0)	0.0	26.3	16.4	14.4	9.2	14.0	2.7	2.4	2.0	2.0	2.7	7.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	104,877 (4.3)	0.0	14.7	13.0	2.4	20.7	20.7	2.7	2.4	0.2	0.9	-1.2	5.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	15,499 (0.6)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-3.1	4.9	-10.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	72,335 (3.0)	30.3	52.5	26.5	-75.2	22.8	30.7	10.2	8.4	6.4	14.6	26.5	35.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	32,054 (1.3)	34.6	18.8	-	41.2	11.7	-	-	-	-1.9	-1.2	8.8	12.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,440 (0.1)	45.4	15.3	-	10.7	19.5	-	-	-	0.7	-0.4	2.8	4.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	290,662 (11.9)	0.0	18.4	15.1	15.5	29.4	29.8	4.8	4.1	0.5	4.2	13.9	13.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anh1d@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.